

**CÔNG TY TNHH HẢI MINH NHẬT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HẢI MINH NHẬT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAI MINH NHAT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAI MINH NHAT CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502394018

**3. Ngày thành lập:** 23/04/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

1419/33/1 đường 30/4, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,  
Việt Nam

Điện thoại: 0908699329

Fax:

Email: [haiminhnhatltd@gmail.com](mailto:haiminhnhatltd@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5022(Chính)                                                  |
| 2.  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5012                                                         |
| 3.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa<br>Chi tiết: Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới                                                                                                                                                                                                                                                             | 5021                                                         |
| 4.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng;                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4933                                                         |
| 5.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5224                                                         |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển;                                                                                                                                                                                                                                                          | 5229                                                         |
| 7.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm của chúng;                                                                                                                                                                                                                                                         | 4661                                                         |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy<br>Chi tiết: Dịch vụ lai dắt, đưa tàu vào bến; Ứng cứu sự cố tràn dầu; Vệ sinh tàu biển, cứu hộ trên biển; Dịch vụ dọn dẹp, đánh chặn tàu thủy; Dịch vụ cung cấp nước ngọt, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, nhiên liệu, dầu nhớt, vật liệu chèn lót, ngăn cách hàng cho tàu thủy; Dịch vụ cảng và bến cảng; | 5222                                                         |
| 9.  | Phá dỡ<br>Chi tiết: Phá dỡ tàu thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4311                                                         |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán vật tư, phụ tùng máy móc thiết bị hàng hải, thiết bị ngành công nông nghiệp, ngành dầu khí và phương tiện vận tải;                                                                                                                                                                                       | 4659                                                         |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, thuyền, xà lan, ca nô;                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3312                                                         |
| 12. | Đóng tàu và cấu kiện nổi<br>Chi tiết: Đóng mới tàu, thuyền, xà lan, ca nô;                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3011                                                         |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663                                                         |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: San lấp mặt bằng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4312                                                         |
| 15. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;                                                                                                                                                                                                                                                             | 4669                                                         |
| 16. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.<br>Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư                                                                                                                                           | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐINH VĂN ĐOÀN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/07/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031079002730

Ngày cấp: 18/11/2016

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DL  
QG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1419/33/1 đường 30/4, Phường 12, Thành phố  
Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1419/33/1 đường 30/4, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà  
Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH VĂN ĐOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/07/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 031079002730

Ngày cấp: 18/11/2016

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DL  
QG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1419/33/1 đường 30/4, Phường 12, Thành phố  
Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 1419/33/1 đường 30/4, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà  
Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu